**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC**

**CHỦ ĐỀ: PHƯƠNG TIỆN VÀ MỘT SỐ QUY ĐỊNH GIAO THÔNG**

**THỜI GIAN: TỪ NGÀY 17/03/2025 ĐẾN NGÀY 11/04/2025**

**NHÓM, LỚP: MẪU GIÁO 4 TUỔI A1**

Số lượng trẻ trong lớp: 26

Số giáo viên/lớp, tên giáo viên: 02, Triệu Thị Thanh Thuý - Trương Thị Ngọc Thảo

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **MỤC TIÊU** | **NỘI DUNG** | **HOẠT ĐỘNG HÌNH THỨC TỔ CHỨC** |
| **1. Phát triển thể chất** | | |
| ***Phát triển vận động*** | | |
| **MT 1**: Trẻ khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi:  - Trẻ trai:  - Cân nặng: 14,1-24,2 kg  - Chiều cao: 100,7-119,2 cm  - Trẻ gái:  - Cân nặng: 13,7 -24,9 kg.  - Chiều cao: 13,7 -24,9 kg. | - Đảm bảo chế độ dinh dưỡng hợp lý đáp ứng nhu cầu phát triển của trẻ theo độ tuổi.  - Kiểm tra sức khỏe định kì lần 2 cho trẻ.  - Cân đo: Cân đo lần 3  - Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ theo biểu đồ phát triển. | - Hoạt động ăn : Tổ chức cho trẻ ăn đúng giờ, động viên trẻ ăn hết xuất.  - Hoạt động chăm sóc sức khỏe ban đầu : Cân, đo, chấm biểu đồ tăng trưởng lần 3. |
| **MT 2:** Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh. | - Hô hấp:  + Hít vào, thở ra.  + Làm động tác gà gáy  + Thổi nơ, bong bóng.  - Tay:  + Đưa tay ra phía trước gập khuỷu tay.  + Đưa 2 tay ra phía trước, về phía sau  + Đưa hai phía trước, sang hai bên kết hợp vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay.  + Đưa 2 tay ra phía trước - sau vỗ hai tay vào nhau, xoay tròn hai vai.  - Lưng, bụng, lườn:  + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau.  + Quay sang trái, sang phải.  + Nghiêng người sang trái, sang phải.  + Đứng cúi người về phía trước.  - Chân:  + Đứng, một chân đưa lên trước, khuỵu gối.  + Đứng, một chân nâng cao gập gối.  + Đứng nhún chân, khuỵ gối.  + Ngồi nâng hai chân duỗi thẳng.  + Bật lên trước, ra sau, sang ngang. | **\* Hoạt động thể dục sáng:** |
| **MT 8:** Trẻ biết trèo lên 5 gióng thang. | - Trườn theo hướng thẳng.  - Trườn chui qua cổng.  - Trèo qua ghế dài.  - Trèo lên xuống 5 gióng thang. | **\* Hoạt động học:**  - Nhánh 1: Trườn theo hướng thẳng.  - Nhánh 2: Trườn chui qua cổng.  - Nhánh 3: Trèo qua ghế dài.  - Nhánh 4:Trèo lên xuống 5 gióng thang. |
| **MT 15:** Trẻ thực hiện được các vận động: Cuộn - xoay tròn cổ tay; Gập, mở các ngón tay. | - Cuộn- xoay tròn cổ tay.  - Gập mở các ngón tay.  - Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gắn, nối. | - Thể dục sáng, hoạt động học, hoạt động góc, hoạt động chiều. |
| **MT 16:** Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt trong một số hoạt động: Vẽ hình người, nhà, cây; Cắt thành thạo theo đường thẳng; Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối; Biết tết sợi đôi; Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày. | - Gập giấy.  - Lắp ghép hình.  - Xé, cắt đường thẳng.  - Tô, vẽ hình.  - Xếp chồng.  - Tết sợi.  - Cài, cởi cúc, kéo khóa, xâu luồn, buộc dây. | - Hoạt động góc, hoạt động ngoài trời:  - Xây công viên, khu giải trí, Vư­ờn cây của bé.  - Tập gấp quần áo. |
| ***Giáo dục dinh dưỡng và sức khoẻ*** | | |
| **MT 21:** Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ. Chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. Không uống nước lã. | - Mời cô, mời bạn khi ăn, ăn từ tốn, nhai kĩ.  - Khi ăn không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn.  - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn. | - HĐ Ăn: Trẻ biết tự cầm bát xúc ăn gọn gàng, không làm rơi vãi cơm. |
| ***MT 25 a:*** *Trẻ biết một số kiến thức cơ bản về giới tính, phòng chống xâm hại bé trai và bé gái.* | - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.  - Trẻ không cho người lạ sờ, đụng chậm vào chỗ cơ thể không cho phép. Biết một số cơ bản về giới tính, phòng chống xâm hại bé trai và bé gái. | - Hoạt động đón trẻ: Trẻ không nhận quà của người lạ.  - Hoạt động chơi, hoạt động ngoài trời.  **\* Hoạt động học:**  - Phòng chống bạo lực ở trẻ em. |
| **2. Phát triển nhận thức** | | |
| ***Khám phá khoa học*** | | |
| **MT 33:** Trẻ biết phân loại các đối tượng theo 1 - 2 dấu hiệu. | - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi.  - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu.  - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1-2 dấu hiệu.  - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.  - Phân loại phương tiện giao thông theo đặc điểm, nơi hoạt động, công dụng. | - Hoạt động học, hoạt động góc, hoạt động ngoài trời. |
| **MT 35:** Trẻ biết tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông, phân loại theo 1- 2 dấu hiệu và một số quy định giao thông đơn giản. | - Tên gọi, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông.  - Một số quy định giao thông đơn giản.  - Thực hiện đúng quy định về an toàn giao thông khi đi ra đường, đi trên các phương tiện giao thông. | **\* Hoạt động học:**  - Nhánh 1: Tìm hiểu ô tô, xe máy, xe đạp.  - Nhánh 2: Tìm hiểu phương tiện giao thông đường thuỷ.  \* Hoạt động đón trẻ, hoạt động góc. |
| **MT 36:** Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn. | - Giải quyết vấn đề đơn giản bằng cách thức thích hợp. | - Hoạt động góc, hoạt động ngoài trời. |
| **MT 40:** Trẻ biết thể hiện một số hiểu biết về hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình. | - Chơi đóng vai.  - Hát các bài hát về cây, con vật.  - Vẽ, nặn, xé dán con vật, cây, đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông đơn giản. | - Hoạt động âm nhạc, tạo hình, hoạt động góc,... |
| ***Làm quen với khái niệm sơ đẳng về toán*** | | |
| **MT 47:** Trẻ biết nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại. | - Xếp theo quy tắc: Tìm ra quy tắc sắp xếp của các vật dụng hằng ngày; tự xếp theo quy tắc nào đó; nhận ra quy tắc sắp xếp sẵn có của 3 đối tượng và tiếp tục theo quy tắc đó.  - Dạy trẻ sắp xếp theo quy tắc. Nhận ra và sao chép theo quy tắc có 3 đối tượng trong chu kỳ: ABBABB; AABAAB; ABCABC. | **\* Hoạt động học:**  - Nhánh 3: Dạy trẻ sắp xếp theo quy tắc. Nhận ra và sao chép theo quy tắc có 3 đối tượng trong chu kỳ: ABBABB; AABAAB; ABCABC. |
| **MT 49:** Trẻ sử dụng được dụng cụ để đo  độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh. | - Nhận biết mục đích của phép đo.  - Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo.  - Đo độ dài 2 đối tượng bằng 1 đơn vị đo, nói kết quả đo và so sánh.  - Đo dung tích 1 đối tượng bằng một đơn vị đo. | **\* Hoạt động học:**  - Nhánh 2: Đo độ dài 2 đối tượng bằng 1 đơn vị đo, nói kết quả đo và so sánh. |
| **MT 51:** Trẻ biết được sự giống nhau và khác nhau giữa các hình tròn, hình vuông, hình tam giác, chữ nhật qua một vài dấu hiệu nổi bật. | - So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.  - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. | **\* Hoạt động học:**  - Nhánh 4: Chắp ghép các hình học tạo thành các hình mới theo ý thích hoặc theo yêu cầu. |
| **3. Phát triển ngôn ngữ** | | |
| ***Nghe*** | | |
| **MT 66:** Trẻ biết nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. | - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. | **\* Hoạt động học:**  - Nhánh 1: Truyện: Kiến con đi ô tô  - Nhánh 2: Thơ: Thuyền giấy.  - Nhánh 3: Thơ: Ơi chiếc máy bay  - Nhánh 4: Đồng dao: Bà còng đi chợ trời mưa. |
| ***Nói*** | | |
| **MT 74:** Trẻ biết kể lại các sự việc đơn giản theo trình tự thời gian. | - Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe.  - Kể lại các sự việc hiện tượng đã gặp, đã xảy ra.  - Kể lại sự việc theo trình tự thời gian. | - Hoạt động học, hoạt động góc, hoạt động ngoài trời. |
| **MT 76:** Trẻ đọc thuộc một số bài thơ, ca dao, đồng dao. | - Đọc thuộc một số bài thơ, ca dao, đồng dao theo chủ đề.  - Đọc biểu cảm kết hợp cử chỉ điệu bộ bài thơ, đồng dao đơn giản. | **\* Hoạt động học:**  - Nhánh 2: Thơ: Thuyền giấy.  - Nhánh 3: Thơ: Ơi chiếc máy bay  - Nhánh 3: Đồng dao: Bà còng đi chợ trời mưa. |
| ***Làm quen với đọc, viết*** | | |
| **MT 81:** Trẻ biết “đọc” sách theo tranh minh họa. | - Trẻ tự “đọc”, “đọc” sách theo ý thích (đọc vẹt).  - “Đọc” truyện qua tranh vẽ.  - Đọc sáng tạo theo trí tưởng tượng của trẻ.  - Đọc từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. | - Hoạt động đón trẻ, hoạt động góc, hoạt động học. |
| **4. Phát triên tình cảm và kĩ năng xã hội** | | |
| ***Phát triển tình cảm*** | | |
| **MT 86:** Trẻ nhận biết các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác. | - Nhận biết và nói được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ qua nét mặt, cử chỉ giọng nói khi tiếp xúc trực tiếp hoặc qua tranh ảnh. | - Hoạt động đón trẻ, hoạt động học, hoạt động góc, hoạt động ngoài trời. |
| ***Phát triển kĩ năng xã hội*** | | |
| **MT 97:** Trẻ biết giữ gìn và bảo vệ môi trường. | - Giữ gìn vệ sinh môi trường: Bỏ rác đúng nơi quy định, chăm sóc con vật, cây cảnh.  - Có những hành vi tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt: không để nước tràn khi rửa tay, tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng.  - Giữ gìn đồ dùng, đồ chơi. | - Hoạt động đón trẻ, hoạt động học, hoạt động góc, hoạt động ngoài trời. |
| **5. Phát triển thẩm mĩ** | | |
| ***Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên cuộc sống và nghệ thuật*** | | |
| **MT 99:** Trẻ biết chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, kể câu chuyện. | - Hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc.  - Nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; nghe kể câu chuyện | **\* Hoạt động học:**  + Nhánh 1: Nghe hát: Từ một ngã tư đường phố.  + Nhánh 3: Nghe hát: Anh phi công ơi.  + Nhánh 4: - Nghe hát: Bé thích ô tô. |
| ***Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình*** | | |
| **MT 102:** Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ. | - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. | **\* Hoạt động học:**  - Nhánh 1: Dạy hát: Đi trên vỉa hè bên phải.  - Nhánh 3: Vận động: Bạn ơi có biết.  - Nhánh 4: BDVN: Đi trên vỉa hè bên phải, Bạn ơi có biết không, Em đi chơi thuyền. |
| **MT 104:** Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, tạo ra các sản phẩm. | - Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm. | **\* Hoạt động học:**  - Nhánh 1: Nặn một số phương tiện giao thông đường bộ.  - Nhánh 4: Vẽ đèn tín hiệu giao thông |
| **MT 106:** Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong… và dán thành sản phẩm có màu sắc và bố cục | - Sử dụng các kĩ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét. | **\* Hoạt động học:**  - Nhánh 2: Làm thuyền nổi trên mặt nước |
| ***Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật*** | | |
| **MT 110:** Trẻ biết lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát. | - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu. | - Hoạt động âm nhạc, hoạt động góc. |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC**

**TUẦN 25 THÁNG 03**

**LỚP MẪU GIÁO 4 TUỔI A1**

**Chủ đề: Phương tiện và một số quy định giao thông**

**Chủ đề nhánh: Một số phương tiện giao thông đường bộ**

Thời gian thực hiện: Từ ngày 17/03/2025 đến ngày 21/03/2025

Số lượng trẻ trong lớp: 26

Số giáo viên/lớp, tên giáo viên: 02, Triệu Thị Thanh Thuý - Trương Thị Ngọc Thảo

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ**  **Thời điểm** | **Thứ hai** | **Thứ ba** | | **Thứ tư** | **Thứ năm** | **Thứ sáu** |
| **Đón trẻ**  **-**  **Chơi**  **-**  **Thể dục sáng** | **1. Đón trẻ:**  - Đón trẻ vào lớp, hướng dẫn trẻ cất đồ dùng đúng nơi quy định. Trò chuyện trao đổi về tình hình của trẻ.  - Cho trẻ quan sát góc nổi bật về chủ đề giao thông.  - Cho trẻ chơi theo ý thích.  **2. Thể dục sáng:**  + Hô hấp: Thổi nơ bay.  + Tay 3: Đưa hai phía trước, sang hai bên kết hợp vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay.  + Bụng 2: Quay sang trái, sang phải.  + Chân 2: Đứng, một chân nâng cao gập gối.  **3. Điểm danh:**  - Điểm danh.  - Dự báo thời tiết trong ngày. | | | | | |
| **Hoạt động học** | **\* Thể dục**:  - Trườn theo hướng thẳng.  - TCVĐ:  Ai ném xa nhất. | **\* Khám phá khoa học**:  - Tìm hiểu ô tô, xe máy, xe đạp. | | **\* Tạo hình:**  - Nặn một số phương tiện giao thông đường bộ.  (Đề tài) | **\* GDÂN:**  - Dạy hát: Đi trên vỉa hè bên phải.  - Nghe hát: Từ một ngã tư đường phố.  - TCÂN: Nhìn hình đoán tên bài hát. | **\* Làm quen với văn học:**  - Truyện: Kiến con đi ô tô. |
| **Tăng cường tiếng việt** | - Trườn sát sàn | ***-*** Xe thô sơ, động cơ. | | - Phần đầu xe, bánh xe. | - Vỉa hè, đường phố. | - Xe buýt, ngồi chễm chệ. |
| **Hoạt động góc** | **1. Góc đóng vai**: Cửa hàng bán đồ chơi giao thông, gia đình, nấu ăn.  **2. Góc xây dựng, lắp ghép**: Xây dựng bến xe, lắp ráp xe mô hình.  **3. Góc nghệ thuật**: Vẽ, tô màu phương tiện giao thông đường bộ. Hát, đọc thơ về chủ đề.  **4. Góc sách** **truyện:** Xem tranh, ảnh về phương tiện giao thông, làm sách tranh về phương tiện giao thông.  **5. Góc thiên nhiên:** Chơi với cát, nước. | | | | | |
| **Tăng cường tiếng việt** | - Đồ chơi lắp ghép. Xây gara. Người bán hàng và khách hàng.  - Album phương tiện giao thông. | | | | | |
| **Hoạt động ngoài trời** | **1. Hoạt động có chủ đích.**  - Quan sát thời tiết, lắng nghe âm thanh trên sân trường.  - Quan sát xe máy. Quan sát ô tô.  **2. Trò chơi vận động:**  - Ô tô về bến, bánh xe quay, lộn cầu vồng.  **3. Chơi tự chọn**:  - Vẽ theo ý thích trên sân, xếp hình các phương tiện giao thông, chơi thổi bong bóng xà phòng. | | | | | |
| **Tăng cường**  **tiếng việt** | - Yên xe, bánh xe, còi xe.  - Đường bộ | | | | | |
| **Hoạt động ăn** | **1. Trước khi ăn:**  - Hướng dẫn trẻ rửa tay đúng cách trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh, lau miệng.  **2. Trong khi ăn:**  - Giới thiệu tên món ăn, giá trị dinh dưỡng bữa ăn.  - Cho trẻ vào bàn ăn sáng, trưa, ăn chiều.  **3. Sau khi ăn:**  - Vệ sinh sau khi ăn. | | | | | |
| **Hoạt động ngủ** | **1. Trước khi ngủ:**  - Hướng dẫn trẻ lấy gối vào đúng chỗ.  - Cho trẻ đọc thơ "Giờ đi ngủ"  **2. Trong khi ngủ:**  - Hướng dẫn trẻ ngủ ngay ngắn giữ gìn trật tự.  **3. Sau khi ngủ:**  - Hướng trẻ cất đồ gọn gàng đúng quy định sau khi ngủ dậy | | | | | |
| **Chơi, hoạt động theo ý thích** | **1. Vận động sau khi ngủ dậy:**  - Bài: Bóng tròn to.  **2. Ôn luyện** | | | | | |
| - Ôn: Trườn theo hướng thẳng.  *- Chơi cà kheo* | | - Ôn:Tìm hiểu ô tô, xe máy, xe đạp. | - Ôn: Nặn một số PTGT đường bộ | - Ôn: Dạy hát: Đi trên vỉa hè bên phải.  *- Chơi màn hình thông minh* | - Ôn Truyện Kiến con đi ô tô. |
| **\* Hoạt động tăng cường Tiếng việt**  - Thứ 2: Dạy trẻ nói các từ, câu có chứa từ: Trườn sát sàn  - Thứ 3: Dạy trẻ nói câu có chứa từ: Xe thô sơ, động cơ.  - Thứ 4: Dạy trẻ nói câu có chứa từ. Phần đầu xe, bánh xe  - Thứ 5: Dạy trẻ nói câu có từ: Vỉa hè, đường phố  - Thứ 6: Dạy trẻ nói các từ, câu có chứa từ: Xe buýt, ngồi chễm chệ. | | | | | |
| **3. Chơi tự do:**  - Chơi theo ý thích  - Chơi đồ chơi các góc | | | | | |
| **Trả trẻ** | **1. Nhận xét, nêu gương.**  - Nhận xét trong ngày.  - Nêu gương bé ngoan cuối ngày, tuần.  **2. Trả trẻ.** Chuẩn bị đồ dùng.  - Trao đổi với phụ huynh về tình hình trẻ trong ngày. | | | | | |

Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch tuần*(Kết quả thực hiện, những thuận lợi, khó khăn, những tồn tại và nguyên nhân...).*

\* Kết quả thực hiện:

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

\* Những thuận lợi, khó khăn:

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

\* Những tồn tại và nguyên nhân:

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC**

**TUẦN 26 THÁNG 03**

**LỚP MẪU GIÁO 4 TUỔI A1**

**Chủ đề: Phương tiện và một số quy định giao thông**

**Chủ đề nhánh: Một số phương tiện giao thông đường thuỷ**

Thời gian thực hiện: Từ ngày 24/03/2025 đến ngày 28/03/2025

Số lượng trẻ trong lớp: 26

Số giáo viên/lớp, tên giáo viên: 02, Triệu Thị Thanh Thuý - Trương Thị Ngọc Thảo

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ**  **Thời điểm** | **Thứ hai** | **Thứ ba** | **Thứ tư** | **Thứ năm** | **Thứ sáu** |
| **Đón trẻ**  **-**  **Chơi**  **-**  **Thể dục sáng** | **1. Đón trẻ:**  - Đón trẻ vào lớp, hướng dẫn trẻ cất đồ dùng đúng nơi quy định. Trò chuyện trao đổi về tình hình của trẻ.  - Cho trẻ quan sát góc nổi bật về chủ đề giao thông.  - Cho trẻ chơi theo ý thích.  **2. Thể dục sáng:**  + Hô hấp: Thổi nơ bay.  + Tay 3: Đưa hai phía trước, sang hai bên kết hợp vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay.  + Bụng 2: Quay sang trái, sang phải.  + Chân 2: Đứng, một chân nâng cao gập gối.  **3. Điểm danh:**  - Điểm danh.  - Dự báo thời tiết trong ngày. | | | | |
| **Hoạt động học** | **\* Thể dục**:  - Trườn chui qua cổng  - TCVĐ:  Nhảy bao bố | **\* Làm quen với toán :**  - Đo độ dài 2 đối tượng bằng 1 đơn vị đo, nói kết quả đo và so sánh | **\* Khám phá khoa học:**  - Tìm hiểu phương tiện giao thông đường thuỷ. | **\* Tạo hình:**  - Bài học 5e: Làm thuyền nổi trên mặt nước | **\* Làm quen với văn học:**  - Thơ: Thuyền giấy |
| **Tăng cường tiếng việt** | - Chui qua cổng | - Chiều dài, số lần đo. | - Ca nô, tàu thuỷ, thuyền buồm. | - Thân thuyền, cánh buồm | - Lênh đênh, phăng phăng |
| **Hoạt động góc** | **1. Góc đóng vai**: Cửa hàng bán vé, hành khách đi xe.  **2. Góc xây dựng, lắp ghép**: Lắp ráp tàu thuỷ, ca nô.  **3. Góc nghệ thuật**: Vẽ, tô màu phương tiện giao thông đường thủy. Hát, đọc thơ về chủ đề.  **4. Góc sách** **truyện:** Xem tranh, ảnh về phương tiện giao thông, làm sách tranh về phương tiện giao thông.  **5. Góc thiên nhiên:** Chơi với cát, nước. | | | | |
| **Tăng cường tiếng việt** | - Lắp ráp. Người bán hàng và khách hàng.  - Album phương tiện giao thông. Tàu thuỷ, ca nô. | | | | |
| **Hoạt động ngoài trời** | **1. Hoạt động có chủ đích.**  - Quan sát thời tiết, lắng nghe âm thanh trên sân trường.  - Quan sát xe đạp. Làm thuyền từ lá cây.  **2. Trò chơi vận động:**  - Thuyền về bến, chuyền bóng, mèo đuổi chuột.  **3. Chơi tự chọn**:  - Vẽ theo ý thích trên sân, xếp hình các phương tiện giao thông, chơi thổi bong bóng xà phòng. | | | | |
| **Tăng cường**  **tiếng việt** | - Yên xe, bánh xe, còi xe.  - Cắt, xé lá. Thuyền nan. | | | | |
| **Hoạt động ăn** | **1. Trước khi ăn:**  - Hướng dẫn trẻ rửa tay đúng cách trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh, lau miệng.  **2. Trong khi ăn:**  - Giới thiệu tên món ăn, giá trị dinh dưỡng bữa ăn.  - Cho trẻ vào bàn ăn sáng, trưa, ăn chiều.  **3. Sau khi ăn:**  - Vệ sinh sau khi ăn. | | | | |
| **Hoạt động ngủ** | **1. Trước khi ngủ:**  - Hướng dẫn trẻ lấy gối vào đúng chỗ.  - Cho trẻ đọc thơ "Giờ đi ngủ"  **2. Trong khi ngủ:**  - Hướng dẫn trẻ ngủ ngay ngắn giữ gìn trật tự.  **3. Sau khi ngủ:**  - Hướng trẻ cất đồ gọn gàng đúng quy định sau khi ngủ dậy | | | | |
| **Chơi, hoạt động theo ý thích** | **1. Vận động sau khi ngủ dậy:**  - Bài: Bóng tròn to; Cây cao cỏ thấp.  **2. Ôn luyện** | | | | |
| - Ôn: Trườn chui qua cổng  *- Chơi nhảy với bàn tay, bàn chân.* | - Ôn:Đo độ dài 2 đối tượng bằng 1 đơn vị đo, nói kết quả đo và so sánh | - Ôn: Tìm hiểu phương tiện giao thông đường thuỷ.  *- Chơi nón xoay* | - Ôn: Bài học 5e: Làm thuyền nổi trên mặt nước  *- Chơi màn hình thông minh* | - Ôn: Thơ: Thuyền giấy |
| **\* Hoạt động tăng cường Tiếng việt**  - Thứ 2: Dạy trẻ nói các từ, câu có chứa từ: Chui qua cổng  - Thứ 3: Dạy trẻ nói câu có chứa từ: Chiều dài, số lần đo.  - Thứ 4: Dạy trẻ nói câu có chứa từ. Ca nô, tàu thuỷ, thuyền buồm.  - Thứ 5: Dạy trẻ nói câu có từ: Thân thuyền, cánh buồm  - Thứ 6: Dạy trẻ nói các từ, câu có chứa từ: Lênh đênh, phăng phăng | | | | |
| **3. Chơi tự do:**  - Chơi theo ý thích  - Chơi đồ chơi các góc | | | | |
| **Trả trẻ** | **1. Nhận xét, nêu gương.**  - Nhận xét trong ngày.  - Nêu gương bé ngoan cuối ngày, tuần.  **2. Trả trẻ.**  **-** Chuẩn bị đồ dùng.  - Trao đổi với phụ huynh về tình hình trẻ trong ngày. | | | | |

Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch tuần*(Kết quả thực hiện, những thuận lợi, khó khăn, những tồn tại và nguyên nhân...).*

\* Kết quả thực hiện:

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

\* Những thuận lợi, khó khăn:

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

\* Những tồn tại và nguyên nhân:

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC**

**TUẦN 27 THÁNG 04**

**LỚP MẪU GIÁO 4 TUỔI A1**

**Chủ đề: Phương tiện và một số quy định giao thông**

**Chủ đề nhánh: Một số phương tiện giao thông đường hàng không**

Thời gian thực hiện: Từ ngày 31/03/2025 đến ngày 04/04/2025

Số lượng trẻ trong lớp: 26

Số giáo viên/lớp, tên giáo viên: 02, Triệu Thị Thanh Thuý - Trương Thị Ngọc Thảo

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ**  **Thời điểm** | **Thứ hai** | **Thứ ba** | | **Thứ tư** | **Thứ năm** | | | **Thứ sáu** | | |
| **Đón trẻ**  **-**  **Chơi**  **-**  **Thể dục sáng** | **1. Đón trẻ:**  - Đón trẻ vào lớp, hướng dẫn trẻ cất đồ dùng đúng nơi quy định. Trò chuyện trao đổi về tình hình sức khoẻ.  - Chơi theo ý thích.  - Cô hướng cho trẻ quan sát góc nổi bật về chủ đề giao thông  **2. Thể dục sáng:**  + Hô hấp: Thổi nơ bay.  + Tay 3: Đưa hai phía trước, sang hai bên kết hợp vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay.  + Bụng 2: Quay sang trái, sang phải.  + Chân 2: Đứng, một chân nâng cao gập gối.  **3. Điểm danh:**  - Điểm danh.  - Dự báo thời tiết trong ngày. | | | | | | | | | |
| **Hoạt động học** | **\* Thể dục:**  - Trèo qua ghế dài.  - TCVĐ: Cáo ơi ngủ à | | **\* Rèn kỹ năng sống:**  - Phòng chống bạo lực ở trẻ em. | **\* Làm quen với toán :**  - Dạy trẻ sắp xếp theo quy tắc. Nhận ra và sao chép theo quy tắc có 3 đối tượng trong chu kỳ. | | **\* Giáo dục âm nhạc:**  - Vận động: Bạn ơi có biết.  - Nghe hát: Anh phi công ơi.  - TCÂN: Chiếc ghế âm nhạc | | | **\* Làm quen với văn học:**  - Thơ: Ơi chiếc máy bay. |
| **Tăng cường tiếng việt** | - Trèo qua ghế. | | - Người lạ, bạo lực. | - ABBABB, AABAAB, ABCABC | | - Bon bon trên đường, ngược xuôi. | | | - Chim sắt lớn, đường bay |
| **Hoạt động góc** | **1. Góc đóng vai**: Cửa hàng bán phương tiện giao thông, gia đình, nấu ăn.  **2. Góc xây dựng, lắp ghép**: Xây dựng sân bay, lắp ghép phương tiện giao thông.  **3. Góc nghệ thuật**: Tô màu, gấp phương tiện giao thông, hát về chủ đề  **4. Góc sách**, **truyện :** Xem tranh, ảnh kể về phương tiện giao thông, làm sách tranh về phương tiện giao thông  **5. Góc thiên nhiên:** Lau lá, tưới cây, gieo hạt | | | | | | | | |
| **Tăng cường tiếng việt** | - Lắp ghép, kinh khí cầu.  - Phi công. Album phương tiện giao thông. | | | | | | | | | |
| **Hoạt động ngoài trời** | **1. Hoạt động có chủ đích:**  - Quan sát thời tiết bầu trời, lắng nghe âm thanh khác nhau ở trên sân.  - Quan sát vườn rau. Quan sát vườn hoa  **2. Trò chơi vận động:**  - Ai nhanh nhất, Bánh xe quay, Mèo đuổi chuột  **3. Chơi tự chọn:**  - Vẽ theo ý thích các phương tiện giao thông đường hàng không trên sân, chơi thổi bong bóng xà phòng. | | | | | | | | | |
| **Tăng cường**  **tiếng việt** | - Rau ăn lá, rau ăn củ.  - Hoa giấy, cánh mỏng. | | | | | | | | | |
| **Hoạt động ăn** | **1. Trước khi ăn:**  - Hướng dẫn trẻ rửa tay đúng cách trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh, lau miệng.  **2. Trong khi ăn:**  - Giới thiệu tên món ăn, giá trị dinh dưỡng bữa ăn.  - Cho trẻ vào bàn ăn sáng, trưa, ăn chiều.  **3. Sau khi ăn:**  - Vệ sinh sau khi ăn. | | | | | | | | | |
| **Hoạt động ngủ** | **1. Trước khi ngủ:**  - Hướng dẫn trẻ lấy gối vào đúng chỗ.  - Cho trẻ đọc thơ “Giờ đi ngủ”  **2. Trong khi ngủ:**  - Hướng dẫn trẻ ngủ ngay ngắn giữ gìn trật tự.  **3. Sau khi ngủ:**  - Hướng trẻ cất đồ gọn gàng đúng quy định sau khi ngủ dậy | | | | | | | | | |
| **Chơi, hoạt động theo ý thích** | **1. Vận động sau khi ngủ dậy:**  - Bài: Bóng tròn to.  **2. Ôn luyện** | | | | | | | | | |
| - Ôn: Trèo qua ghế dài.  *- Chơi ghép hình sáng tạo.* | - Ôn: Phòng chống bạo lực ở trẻ em. | | - Ôn: Dạy trẻ sắp xếp theo quy tắc. Nhận ra và sao chép theo quy tắc có 3 đối tượng trong chu kỳ | | | - Ôn: Vận động: Bạn ơi có biết.  *- Chơi màn hình thông minh* | | - Ôn: Thơ: Ơi chiếc máy bay.  *- Chơi nón xoay* |
| **\* Hoạt động tăng cường Tiếng việt**  - Thứ 2: Dạy trẻ nói các từ, câu có chứa từ: Trèo qua ghế.  - Thứ 3: Dạy trẻ nói câu có chứa từ: Người lạ, bạo lực.  - Thứ 4: Dạy trẻ nói câu có chứa từ: ABBABB, AABAAB, ABCABC  - Thứ 5: Dạy trẻ nói câu có chứa từ: Bon bon trên đường, ngược xuôi.  - Thứ 6: Dạy trẻ nói các từ, câu có chứa từ: Chim sắt lớn, đường bay | | | | | | | | | |
| **3. Chơi tự do:**  - Chơi theo ý thích  - Chơi đồ chơi các góc | | | | | | | | | |
| **Trả trẻ** | **1. Nhận xét, nêu gương.**  - Nhận xét trong ngày.  - Nêu gương bé ngoan cuối ngày, tuần.  **2. Trả trẻ:**  - Chuẩn bị đồ dùng.  - Trao đổi với phụ huynh về tình hình trẻ trong ngày. | | | | | | | | | |

Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch tuần*(Kết quả thực hiện, những thuận lợi, khó khăn, những tồn tại và nguyên nhân...).*

\* Kết quả thực hiện:

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

\* Những thuận lợi, khó khăn:

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

\* Những tồn tại và nguyên nhân:

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC**

**TUẦN 28 THÁNG 04**

**LỚP MẪU GIÁO 4 TUỔI A1**

**Chủ đề: Phương tiện và một số quy định giao thông**

**Chủ đề nhánh: Một số quy định khi tham gia giao thông**

Thời gian thực hiện: Từ ngày 07/04/2025 đến ngày 11/04/2025

Số lượng trẻ trong lớp: 26

Số giáo viên/lớp, tên giáo viên: 02, Triệu Thị Thanh Thuý - Trương Thị Ngọc Thảo

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ**  **Thời điểm** | **Thứ hai** | | **Thứ ba** | **Thứ tư** | **Thứ năm** | **Thứ sáu** |
| **Đón trẻ**  **-**  **Chơi**  **-**  **Thể dục sáng** | **1. Đón trẻ:**  - Đón trẻ vào lớp, hướng dẫn trẻ cất đồ dùng đúng nơi quy định. Trò chuyện trao đổi về tình hình của trẻ.  - Chơi theo ý thích.  - Hướng trẻ về góc xem tranh ảnh về một số luật giao thông đơn giản.  **2. Thể dục sáng:**  + Hô hấp: Thổi nơ bay.  + Tay 3: Đưa hai phía trước, sang hai bên kết hợp vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay.  + Bụng 2: Quay sang trái, sang phải.  + Chân 2: Đứng, một chân nâng cao gập gối.  **3. Điểm danh.**  - Điểm danh. Dự báo thời tiết trong ngày. | | | | | | |
| **Hoạt động học** | **\* Thể dục:**  - Trèo lên xuống 5 gióng thang.  - TCVĐ: Kéo co | | **\* Làm quen với toán :**  - Chắp ghép các hình học tạo thành các hình mới theo ý thích hoặc theo yêu cầu. | **\* Giáo dục âm nhạc:**  - BDVN: Đi trên vỉa hè bên phải, Bạn ơi có biết không, Em đi chơi thuyền.  - Nghe hát: Bé thích ô tô.  - TCÂN: Vòng tròn tiết tấu | **\* Tạo hình:**  - Vẽ đèn tín hiệu giao thông  (Mẫu) | **\* Làm quen với văn học**:  - Đồng dao: Bà cong đi chợ trời mưa. |
| **Tăng cường tiếng việt** | - Trèo lên 5 gióng thang. | | - Hình chữ nhật, hình tam giác. | - Phương tiện giao thông, bon bon, ca nô. | - Đèn tín hiệu, dạng tròn. | - Quãng đường cong. |
| **Hoạt động góc** | **1. Góc đóng vai**: Gia đình, cửa hàng, nấu ăn.  **2. Góc xây dựng, lắp ghép:**  Lắp ghép ga ra ô tô, cây xanh, xếp ngã tư đường phố.  **3. Góc nghệ thuật**: Tô màu tranh biển báo giao thông. Dán biển báo giao thông.  **4. Góc sách truyện**: Xem tranh ảnh một số biển báo giao thông, làm sách tranh về biển báo giao thông.  **5. Góc thiên nhiên:** Gieo hạt, lau lá, tưới cây. | | | | | | |
| **Tăng cường tiếng việt** | - Lắp ghép gara, xếp ngã tư.  - Biển báo. Lau lá, lao động. | | | | | | |
| **Hoạt động ngoài trời** | **1. Hoạt động có chủ đích:**  - Quan sát thời tiết, lắng nghe âm thanh trên sân trường.  - Quan sát vườn cổ tích. Quan sát vườn hoa**.**  **2. Trò chơi vận động:**  - Ô tô về bến, Làm theo tín hiệu, Cáo ơi ngủ à.  **3. Chơi tự chọn:**  **-** Vẽ theo ý thích trên sân, xếp hình các biển báo, chơi thổi bong bóng xà phòng. | | | | | | |
| **Tăng cường**  **tiếng việt** | *-* Cho trẻ nghe, nói, luyện tập các từ: " đèn tín hiệu""  - Vườn hoa, biển báo. | | | | | | |
| **Hoạt động ăn** | **1. Trước khi ăn:**  - Hướng dẫn trẻ rửa tay đúng cách trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh, lau miệng.  **2. Trong khi ăn:**  - Giới thiệu tên món ăn, giá trị dinh dưỡng bữa ăn.  - Cho trẻ vào bàn ăn sáng, trưa, ăn chiều.  **3. Sau khi ăn:**  - Vệ sinh sau khi ăn. | | | | | | |
| **Hoạt động ngủ** | **1. Trước khi ngủ:**  - Hướng dẫn trẻ lấy gối vào đúng chỗ.  - Cho trẻ đọc thơ "Giờ đi ngủ"  **2. Trong khi ngủ:**  - Hướng dẫn trẻ ngủ ngay ngắn giữ gìn trật tự.  **3. Sau khi ngủ:**  - Hướng trẻ cất đồ gọn gàng đúng quy định sau khi ngủ dậy | | | | | | |
| **Chơi, hoạt động theo ý thích** | **1. Vận động sau khi ngủ dậy:**  - Bài: Ồ sao bé không lắc.  **2. Ôn luyện:** | | | | | | |
| - Ôn: Trèo lên xuống 5 gióng thang. | - Ôn: Chắp ghép các hình học tạo thành các hình mới theo ý thích hoặc theo yêu cầu. | | - Ôn: BDVN: Đi trên vỉa hè bên phải, Bạn ơi có biết không, Em đi chơi thuyền.  *- Chơi giữ bóng thăng bằng.* | - Ôn: Vẽ đèn tín hiệu giao thông  *- Chơi màn hình thông minh* | - Ôn: Bà cong đi chợ trời mưa.  *- Chơi cà kheo* |
| **\* Hoạt động tăng cường Tiếng việt**  - Thứ 2: Dạy trẻ nói câu có chứa từ: Trèo lên 5 gióng thang.  - Thứ 3: Dạy trẻ nói các từ: Hình chữ nhật, hình tam giác.  - Thứ 4: Dạy trẻ nói các từ, câu có chứa từ: Phương tiện giao thông, bon bon, ca nô.  - Thứ 5: Dạy trẻ nói các từ: Đèn tín hiệu, dạng tròn.  - Thứ 6: Dạy trẻ nói các từ, câu có chứa từ: Quãng đường cong. | | | | | | |
| **3. Chơi tự do:**  - Chơi theo ý thích  - Chơi đồ chơi các góc | | | | | | |
| **Trả trẻ** | **1. Nhận xét, nêu gương.**  - Nhận xét trong ngày.  - Nêu gương bé ngoan cuối ngày, tuần.  **2. Trả trẻ:**  **-** Chuẩn bị đồ dùng.  - Trao đổi với phụ huynh về tình hình trẻ trong ngày. | | | | | | |

Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch tuần*(Kết quả thực hiện, những thuận lợi, khó khăn, những tồn tại và nguyên nhân...).*

\* Kết quả thực hiện:

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

\* Những thuận lợi, khó khăn:

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

\* Những tồn tại và nguyên nhân:

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH**

**CHỦ ĐỀ: PHƯƠNG TIỆN VÀ MỘT SỐ QUY ĐỊNH GIAO THÔNG**

*(Kết quả thực hiện, những thuận lợi, khó khăn, những tồn tại*

*và nguyên nhân...).*

\* Kết quả thực hiện:

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

\* Những thuận lợi, khó khăn:

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

\* Những tồn tại và nguyên nhân:

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

...............................................................................................................................................................................

**XÁC NHẬN CỦA BGH**

**P. Hiệu trưởng**

**Lý Thị Trang**